TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2026/DS-ST
Ngày: 11-02-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Vũ Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh**

2. Ông **Phan Thống Nhứt**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mai Trâm** – Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà **Võ Thu Thủy** - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 13 tháng 01 và ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2166/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 583/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**.

Địa chỉ: 2 N, phường X (trước đây là Phường H, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đặng Ngọc Q** (có đơn xin vắng mặt)

(Theo giấy ủy quyền số 1052A/2025/GUQ-PC ngày 08/4/2025 và giấy ủy quyền số 3899/2025/UQ-TT.XLN ngày 01/8/2025 của Ngân hàng TMCP S)

Bị đơn: Ông **Hồ Lý Thanh N,** sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: B X, phường B (trước đây là Phường B, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ tạm trú: 93 N, phường B (trước đây là Phường A, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện tại: 82/14/24 N, phường B (trước đây là Phường B, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2024, bản tự khai và các biên bản phiên họp, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Ngọc Q trình bày:*

Ngày 19/8/2022, ông Hồ Lý Thanh N có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S). Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 300.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 883.011.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 604.870.000 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S) ngày 06/8/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Hồ Lý Thanh N thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/8/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S tạm tính đến ngày 11/02/2026 tổng cộng là: 685.431.899 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 319.852.922 đồng; nợ lãi là 365.578.977 đồng. Ngoài ra, ông Hồ Lý Thanh N còn phải tiếp tục chịu lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S ngày 19/8/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ cho nguyên đơn, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Các phần còn lại Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Hội đồng xét xử: Thời gian, địa điểm mở phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn Ông Hồ Lý Thanh N thanh toán khoản vay và lãi suất phát sinh trong hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Bị đơn ông Hồ Lý Thanh N có nơi cư trú tại 8 N, phường B (trước đây là Phường B, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết

81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Hồ Lý Thanh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và khoản 3 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Ngày 19/8/2022, ông Hồ Lý Thanh N có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S). Căn cứ thu nhập của ông N Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 300.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 883.011.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 604.870.000 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 20/8/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông N có trách nhiệm thanh toán tuy nhiên ông N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Tạm tính đến ngày 11/02/2026, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 685.431.899 đồng. Trong đó, nợ gốc là 319.852.922 đồng, lãi quá hạn là 365.578.977 đồng.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn ông N đều vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi. Do đó, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 685.431.899 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông N phải trả số tiền trên là hoàn toàn có căn cứ được chấp nhận theo Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do Ngân hàng TMCP S có chức năng hoạt động tín dụng nên phần lãi suất được tính do các bên thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"* nên yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

- Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 227, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức và thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

1.1 Buộc ông Hồ Lý Thanh N phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 685.431.899 (sáu trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn tám trăm chín mươi chín) đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3. Kể từ ngày 12/02/2026, ông Hồ Lý Thanh N còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 19/8/2022 tương ứng với số tiền còn phải thi hành án và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 31.417.276 (ba mươi mốt triệu bốn trăm mười bảy nghìn hai trăm bảy mươi sáu) đồng ông Hồ Lý Thanh N phải nộp.

Hoàn trả lại cho ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.145.000 (tám triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0029391 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 5 – Tp.Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 5 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Vũ Nam